

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO TỔNG KẾT
HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ NĂM 2021
(Căn cứ Phụ lục số XXV kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ:

- Tên quỹ:	Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng Bảo Việt Viết tắt: BVPF
- Loại hình quỹ:	Quỹ mở
- Mục tiêu đầu tư:	Tạo ra lợi nhuận có tính chất bền vững, dài hạn cho nhà đầu tư trên cơ sở khai thác hiệu quả cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp có nền tảng hoạt động tốt và triển vọng phát triển tại Việt Nam
- Thời gian hoạt động:	Không giới hạn
- Benchmark:	Lãi suất trúng thầu TP KBNN kỳ hạn 10 năm + 4% (chỉ số tham chiếu để đánh giá nội bộ)
- Chính sách phân chia lợi nhuận:	Lợi nhuận có thể được phân chia dưới hình thức bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư (hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư).
- Số lượng đơn vị quỹ:	10.336.217,92 (thời điểm 31/12/2021)
- Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:	Cập nhật theo quy định tại Thông tư 98
- Nội dung nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:	Đại hội Nhà đầu tư thường niên và bất thường năm 2021: - Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020. - Thông qua việc không thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 cho Nhà đầu tư.

	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt Ngân sách hoạt động cho Ban Đại diện Quỹ năm 2021. - Thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán trong tờ trình của BVF và lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính Quỹ BVPF năm 2021. - Phê duyệt danh sách Ban đại diện quỹ BVPF nhiệm kỳ 2021-2026. - Thông qua điều lệ quỹ sửa đổi.
<ul style="list-style-type: none"> - Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại TT hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán: 	Công ty quản lý quỹ đã thực hiện nghiêm chỉnh việc lập các báo cáo tuần, tháng, quý theo quy định cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

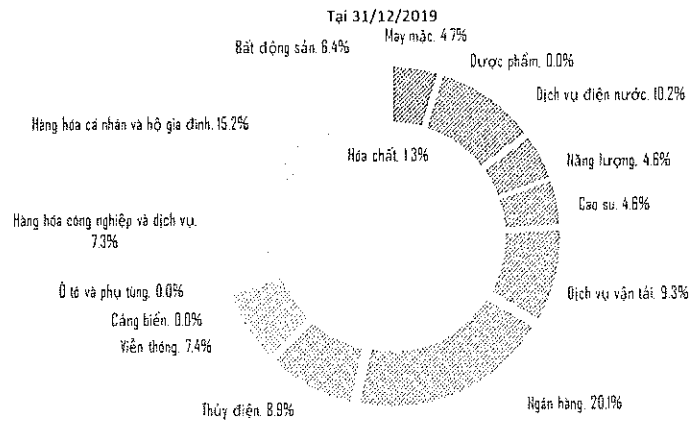
a. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất:

- Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm *(tính theo giá trị danh mục đầu tư)*:

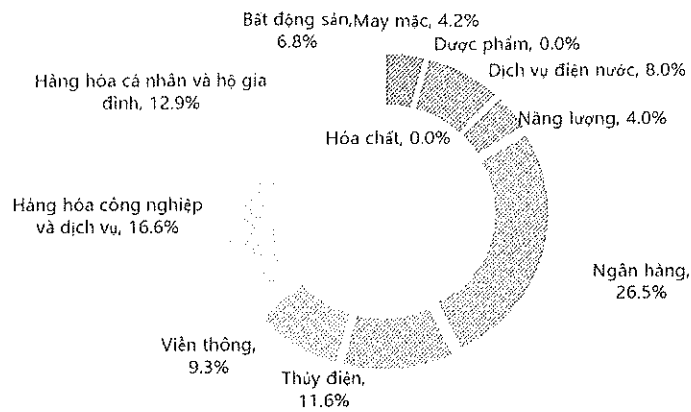
❖ Theo tài sản:

Cơ cấu tài sản Quỹ	31/12/2021 (%)	31/12/2020 (%)	31/12/2019 (%)
Danh mục cổ phiếu	71,40	54,75	67,05
Tiền gửi thanh toán và tiền gửi có kỳ hạn	28,34	44,73	32,76
Tài sản khác	0,26	0,52	0,19
Tổng cộng	100,00	100,00	100,00

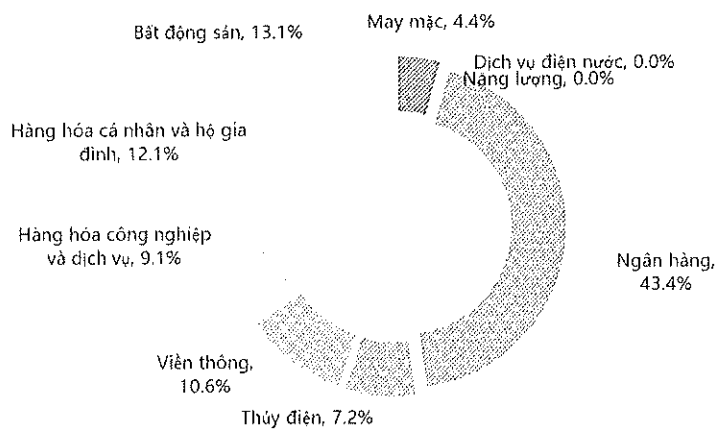
❖ Theo ngành:



Tại 31/12/2020



Tại 31/12/2021



- Giá trị tài sản ròng của quỹ:

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)	31/12/2019 (VNĐ)
GTTSR	179.116.499.574	124.911.292.783	100.920.451.358

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ:

	31/12/2021 (VNĐ/CCQ)	31/12/2020 (VNĐ/CCQ)	31/12/2019 (VNĐ/CCQ)
GTTSR/CCQ	17.329	13.266	11.486

- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành:

	31/12/2021 (CCQ)	31/12/2020 (CCQ)	31/12/2019 (CCQ)
Số CCQ	10.336.217,92	9.415.895,09	8.785.786,85

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị cao nhất và thấp nhất trong năm:

	Năm 2021 (VNĐ/CCQ)	Năm 2020 (VNĐ/CCQ)	Năm 2019 (VNĐ/CCQ)
GTTSR/CCQ cao nhất	17.557	13.266	11.716
GTTSR/CCQ thấp nhất	12.838	9.160	10.382

- Tổng lợi nhuận của quỹ:

Chỉ tiêu	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)	Năm 2019 (VNĐ)
Thu nhập từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (<i>giá trị lãi vốn</i>)	24.890.595.475	16.931.627.877	3,863,939,668
Thu nhập từ lợi tức chứng khoán (<i>cổ tức, tiền gửi...</i>)	3.997.328.710	4.194.529.980	3.784.493.025
Chênh lệch mua bán chứng khoán	15.228.475.775	(2.677.158.977)	2,515,515,382
Thu nhập khác	-	-	-
Tổng chi phí	3.212.430.642	2.164.485.852	2,200,721,758
Tổng lợi nhuận	40.903.969.318	16.284.513.028	7,963,226,317

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (*giá trị thuần và giá trị góp*) trong kỳ báo cáo: không có.
- Thời điểm phân chia lợi nhuận: không có.
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: không có.
- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ:

Tỷ lệ chi phí cuối quý II năm 2021	1,99%
Tỷ lệ chi phí cuối quý IV năm 2021	2,02%

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay danh mục:

Tốc độ vòng quay danh mục cuối quý II năm 2021	9,66
Tốc độ vòng quay danh mục cuối quý IV năm 2021	30,03

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau, các giao dịch repo/ reverse repo: không có

b. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

- Trong thời hạn 12 tháng (*1 năm*), tính tới ngày lập báo cáo (*hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm*): 40.903.969.318VNĐ.
- Trong thời hạn 36 tháng (*3 năm*), tính tới ngày lập báo cáo (*hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 3 năm*): 21.717236.221VNĐ.
- Trong thời hạn 60 tháng (*5 năm*), tính tới ngày lập báo cáo (*hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 5 năm*): 11.531.408.273VNĐ.

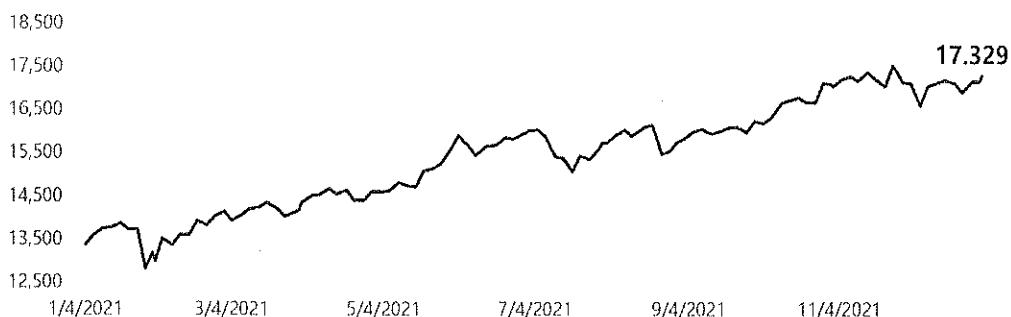
c. Các chỉ tiêu so sánh khác:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: phương pháp giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ, được Ban Đại diện Quỹ thông qua và kiểm tra, rà soát bởi Ngân hàng giám sát BIDV – Chi nhánh Hà thành.
- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Giá chứng khoán được cung cấp bởi các tổ chức dịch vụ cung cấp báo giá độc lập, uy tín trên thị trường

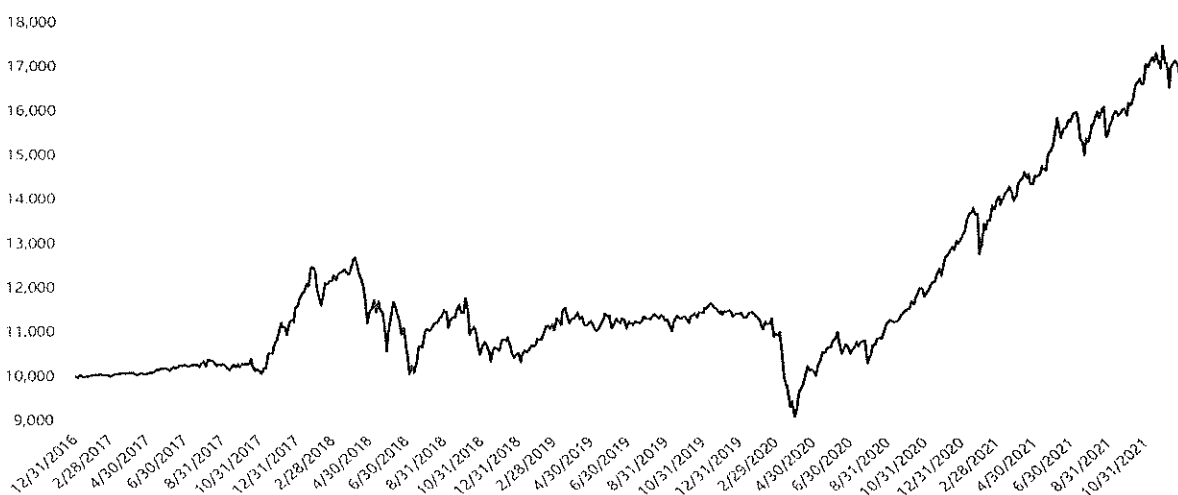
d. Báo cáo khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ:

- a. Thuyết minh về việc thay đổi Công ty Quản lý quỹ (nếu có): không có.
- b. Thuyết minh về việc Quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: Trong năm 2021, quỹ ghi nhận mức tăng trưởng 30.62%, cao hơn 24,55% so với tăng trưởng của benchmark – bình quân lãi suất TPCP kỳ hạn 10% + 4% ở mức 6,07%.
- c. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong kỳ báo cáo (bằng đồ thị):



- d. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị):



- e. Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo:

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động (active), trong đó tập trung đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam (HSX, HNX, UpCom) dựa trên

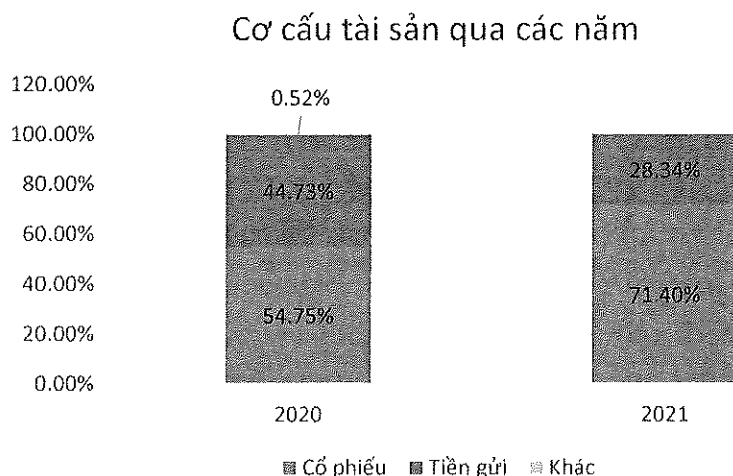
phương pháp phân tích cơ bản (*fundamental analysis - FA*). Cổ phiếu được lựa chọn đầu tư phải đáp ứng các tiêu chí đầu tư của Công ty Quản lý quỹ, đảm bảo phản ánh chính xác các yếu tố cốt lõi trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Cổ phiếu của các doanh nghiệp mà Công ty Quản lý quỹ có lợi thế thông tin, có quá trình theo dõi, cập nhật liên tục sẽ được ưu tiên. Trong quá trình đầu tư, các yếu tố thị trường của cổ phiếu có thể được xem xét và đóng vai trò hỗ trợ đối với việc ra quyết định đầu tư.

Quỹ tìm kiếm cơ hội đầu tư đối với cả cổ phiếu tăng trưởng (*growth stocks*) và cổ phiếu giá trị (*value stocks*), không giới hạn về quy mô vốn hóa của cổ phiếu, để lựa chọn được các cơ hội đầu tư tối ưu, mang lại hiệu quả đầu tư cao nhất cho Quỹ. Phương pháp đầu tư được sử dụng chủ yếu là phương pháp tiếp cận từ trên xuống (*top – down approach*), các cổ phiếu sẽ được ưu tiên mua và nắm giữ (*buy and hold*) trong khoảng thời gian trung - dài hạn. Tuy nhiên, tùy thuộc vào biến động của thị trường trong ngắn hạn, Công ty Quản lý quỹ sẽ xem xét thực hiện linh hoạt các giải pháp để gia tăng hiệu quả đầu tư.

Cơ cấu tài sản mục tiêu:

Tài sản	Tỷ trọng (*)	Ghi chú
Cổ phiếu	51% – 100%	Cơ cấu tài sản mang tính định hướng. Tùy thuộc vào tình hình thị trường, Công ty Quản lý
Các tài sản được phép đầu tư khác	0% – 49%	Quỹ sẽ thay đổi cơ cấu tài sản của danh mục đầu tư để đảm bảo đạt được mục tiêu đầu tư của Quỹ.

- f. Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề báo cáo:



g. Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (*sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có*): không có

h. Đánh giá biến động của thị trường:

Kinh tế vĩ mô:

- Tăng trưởng GDP năm 2021 chỉ đạt 2,58% và là mức tăng thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây do tác nhân chính là dịch Covid-19 tại Việt Nam với đỉnh điểm là việc giãn cách xã hội trong Quý III/2021 tại các trung tâm kinh tế – xã hội lớn trên toàn quốc.
- Bình quân cả năm 2021, CPI tăng 1,84% so với cùng kỳ năm trước, mức thấp nhất kể từ năm 2016.

Thị trường tiền tệ

- Lãi suất VNIBOR về cơ bản diễn biến theo xu hướng đi ngang ở mặt bằng thấp trong năm 2021 trừ một số ít phiên tăng đột biến ở thời điểm cuối tháng/quý do biến động thanh khoản tạm thời. Nhìn chung, thanh khoản của hệ thống NHTM ở trạng thái dồi dào do tăng trưởng tín dụng ở mức thấp trước khi có sự chuyển biến trong Quý IV/2021, ngoài ra việc mua ngoại tệ với giá trị lớn của SBV qua đó cung ứng một lượng lớn VND cho hệ thống NHTM.
- Tương tự diễn biến lãi suất trên thị trường liên ngân hàng, lãi suất huy động cũng ở mặt bằng thấp xuyên suốt trong năm 2021, kể cả trong Quý IV/2021 khi tăng trưởng tín dụng đã tăng tốc. Theo thống kê, mặt bằng lãi suất huy động trong năm 2021 nằm ở mức thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây.

Thị trường trái phiếu

- Thị trường sơ cấp: lãi suất trúng thầu TPCP các kỳ hạn có xu hướng giảm nhẹ trong năm 2021. Nhìn chung, lãi suất trúng thầu trong năm 2021 nằm trong vùng lãi suất thấp nhất trong lịch sử. Trong năm 2021, KBNN đã phát hành được khoảng 318.000 tỷ đồng TPCP, giảm 1,8% so với kết quả thực hiện năm 2020 và chỉ bằng 85,3% kế hoạch phát hành cả năm (kế hoạch đã điều chỉnh).
- Thị trường thứ cấp: lãi suất TPCP trên thị trường thứ cấp chỉ vận động trong biên độ hẹp trong năm 2021, đặc biệt là các TPCP có kỳ hạn dài (≥ 7 năm). So với mặt bằng lãi suất năm 2020, lãi suất giao dịch các kỳ hạn từ 5 năm đến 30 năm hiện tại thấp hơn từ 26 - 50 điểm, trong khi lãi suất các kỳ hạn từ 1-3 năm cao hơn từ 25-30 điểm. Đường cong lợi suất TPCP có xu hướng bẻ dốc hơn so với năm 2020 (lãi suất kỳ hạn dài giảm nhẹ, lãi suất kỳ hạn ngắn tăng nhẹ so với mặt bằng năm 2020).
- Thị trường TPDN: quy mô phát hành TPDN đạt 553 nghìn tỷ đồng, tăng 18,5% so với năm 2020. Trong đó, nhóm Ngân hàng và BĐS vẫn dẫn đầu với tỷ lệ là 37% và 36%. Chênh lệch lãi suất giữa trái phiếu do NHTM phát hành và nhóm doanh nghiệp

khác ngày càng lớn. Kỳ hạn phát hành trái phiếu cũng đa dạng hơn. Trong khi đối với NHTM, kỳ hạn trung bình trên 5 năm thì với nhóm DN khác, kỳ hạn trung bình tăng lên đáng kể do nhiều TP phát hành có kỳ hạn lên tới 10 – 15 năm.

Thị trường cổ phiếu:

- Chỉ số VNI kết thúc năm 2021 ở mức 1.498.28 điểm, tương đương với mức tăng 35,73% trong năm 2021. Điểm đặc biệt là thanh khoản của TTCP liên tục đạt mức kỷ lục mới theo thời gian do sự tham gia mạnh mẽ của NĐT cá nhân trong nước.
- Theo thống kê sơ bộ, giá trị giao dịch khớp lệnh bình quân một phiên trong năm 2021 tính trên cả 03 sàn giao dịch là 24.173 tỷ đồng, tăng 04 lần so với năm 2020.

Thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với loại tài sản là cổ phiếu:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Cổ tức được chia & lãi tiền gửi được nhận	3.997.328.710
2	Lãi bán các khoản đầu tư	15.228.475.775
3	Chênh lệch tăng/giảm đối với các khoản đầu tư chưa thực hiện	24.890.595.475
4	Thu nhập khác	-
5	Chi phí giao dịch mua/bán cổ phiếu	165.933.889
6	Kết quả hoạt động đầu tư	40.903.969.318

- i. Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có): không có.
- j. Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có.
- k. Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): không có.
- l. Các thông tin khác (nếu có): không có.

4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- a. Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát (nếu có): không có.
- b. Việc lưu ký tài sản của quỹ: đáp ứng các yêu cầu.
- c. Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản Cáo bạch: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt, Ngân hàng giám sát đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên

quan. Tuy nhiên, tại một số thời điểm, do biến động thị trường, danh mục đầu tư của Quỹ có phát sinh sai lệch cụ thể như sau:

Tại kỳ định giá báo cáo xác định giá trị tài sản ròng từ ngày 25/02/2021 đến ngày 04/03/2021, ngày 18/03/2021, từ ngày 01/04/2021 đến ngày 04/05/2021, ngày 03/06/2021, từ ngày 04/10/2021 đến ngày 14/10/2021, ngày 28/10/2021, ngày 01/11/2021 và từ ngày 08/11/2021 đến hết ngày 30/11/2021, do biến động của thị trường tỷ lệ tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ vượt quá hạn mức tối đa 40% quy định tại khoản 1.d, điều 11 của Điều lệ Quỹ và khoản 4.e, điều 35 của Thông tư 98/2020/TT-BTC. Sau đó đã điều chỉnh về tỷ lệ trong khoản thời gian cho phép theo đúng quy định tại Thông tư 98/2020/TT-BTC. Việc xác định giá trị tài sản ròng đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản Cáo bạch.

d. Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản Cáo bạch.

- Chi tiết về việc phát hành CCQ

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2020	9.415.895,09 CCQ
Tổng số chứng chỉ Quỹ phát hành thêm trong kỳ	2.502.775,68 CCQ
Tổng số chứng chỉ Quỹ mua lại trong kỳ	1.582.452,85 CCQ
Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2021	10.336.217,92 CCQ

e. Việc phân chia lợi nhuận của quỹ là phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ: Trong năm báo cáo, Quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

a. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

Chỉ tiêu (từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021)	Số tiền hoặc tỷ lệ
% Tổng chi phí ủy quyền/Lợi nhuận	1,10%
% Tổng chi phí ủy quyền/Thu nhập	1,02%
% Tổng chi phí ủy quyền/Tổng chi phí	13,95%

b. Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: không có.

c. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): Trung tâm Lưu ký Chứng

Khoán Việt Nam nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt và Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ phân phối chứng chỉ quỹ.

Chỉ tiêu (từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021)	Số tiền hoặc tỷ lệ
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)	448.018.167
Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	314.918.167
Chi phí trả cho NH LKGS	133.100.000

d. Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt nam (VSD). Dịch vụ phân phối chứng chỉ quỹ được ủy quyền cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (JSI). Theo đánh giá của BVF, VSD, BVSC, và Fincorp đều là các đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tính chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập... Vì vậy, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa của các bên nhận ủy quyền cho Quỹ BVPF được bảo đảm hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư cũng như công ty quản lý quỹ.

Trên đây là Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ trong năm 2021 của Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt đối với Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng Bảo Việt (BVPF).

Trân trọng./.



